

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày: 15-8-2019
“V/v tranh chấp tiền trong hợp
đồng xây dựng và tiền mượn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Trung.

Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp tiền xây dựng và tiền mượn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Lê Pa R, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh C ..

- *Người làm chứng:* Ông Trương Bé N, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hoàng V trình bày:*

Vào tháng 05 năm 2018 ông V thỏa thuận và đi đến ký hợp đồng xây dựng với ông Lê Pa R, xây dựng nhà tránh trú bão kết hợp sinh hoạt cộng đồng tại ấp

Kinh Đào Tây – xã Đất Mũi – huyện Ngọc Hiển, trực tiếp thi công xây dựng nhà từ mặt sàn lên theo thiết kế công trình (không bao gồm hạng mục điện nước); giá trị hợp đồng là 95.000.000 đồng, thời gian thi công là 25 ngày.

Trong quá trình thi công, bên ông R cung cấp vật tư chậm nên việc thi công kéo dài khoảng 04 tháng, khi đó ông R kêu cố gắng thi công xong sẽ trả thêm 10.000.000 đồng, vậy tổng giá trị công trình là 105.000.000 đồng.

Phía ông V đã tạm ứng 90.000.000 đồng, phần hạng mục thi công theo hợp đồng của ông V đã hoàn thành, phía ông R còn nợ lại là 15.000.000 đồng.

Ông V cho ông R mượn 2.400.000 đồng để trả tiền điện nước còn nợ trước khi ông V xây dựng công trình.

Ông V giới thiệu thợ xây dựng và thợ sơn gặp ông R để thỏa thuận xây dựng hạng mục tại trụ sở nhà tránh trú bão của ấp Xẻo Mắm – xã Tân Ân, khi thực hiện xong thì ông R kêu ông V cho mượn 14.000.000 đồng để trả cho nhóm thợ trên.

Vậy tổng cộng ông R còn nợ ông V tổng số tiền xây dựng và tiền mượn là 31.400.000 đồng, nay ông V yêu cầu ông R thanh toán số tiền nêu trên.

** Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Pa R trình bày:*

Vào tháng 5 năm 2018 ông R khoán công trình thi công xây dựng trụ sở nhà tránh trú bão tại ấp Kinh Đào Tây – xã Đất Mũi cho ông V thi công xây dựng hạng mục từ mặt sàn lên theo thiết kế của công trình (không bao gồm hạng mục điện và nước), giá trị công trình là 95.000.000 đồng, thời gian thi công là 25 ngày.

Trong quá trình thi công có chậm tiến độ, nên ông R yêu cầu ông V cố gắng thi công cho đúng tiến độ thì ông R cho thêm 10.000.000 đồng.

Phía ông V đã tạm ứng 90.000.000 đồng, tuy nhiên hạn mục ông V thi công chưa được hoàn thiện, do đó ông R mới thuê nhóm thợ khác để sửa chữa và hoàn thiện phần hạng mục này với số tiền là 22.000.000 đồng.

Đối với tiền điện và nước thì không có liên quan đến ông R, phần này nằm trong giai đoạn thi công của ông V, nên ông V phải chịu trách nhiệm trả số tiền này.

Ông R đồng ý có nhờ ông V thuê thợ để sơn và lát gạch tại nhà tránh trú bão của ấp Xẻo Mắm – xã Tân Ân và mượn ông V 14.000.000 đồng để trả tiền cho thợ.

Vậy ông R chỉ có nợ ông V số tiền xây dựng theo hợp đồng là 5.000.000 đồng và tiền mượn để trả tiền thợ là 14.000.000 đồng, tổng cộng là 19.000.000 đồng.

Do phần hạng mục tại công trình nhà tránh trú bão tại ấp Kinh Đào Tây – xã Đất Mũi do ông V thi công không hoàn thiện, nên phía ông R thuê nhóm thợ khác để khắc phục sửa chữa phần hạng mục do ông V thi công với số tiền là 22.000.000 đồng. Nay ông R yêu cầu đối trừ hai khoản tiền nêu trên, phần dư không yêu cầu ông V trả lại.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Phạm Hoàng V trình bày ý kiến: Ông V yêu cầu ông Lê Pa R trả số tiền xây dựng còn nợ là 15.000.000 đồng, tiền mượn trả tiền điện nước là 1.200.000 đồng, tiền mượn trả tiền thợ là 14.000.000 đồng, tổng cộng là 30.200.000 đồng.

- Ông Lê Pa R vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V, buộc ông Lê Pa R có trách nhiệm trả cho ông V số tiền còn thiếu là 30.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Pa R và người làm chứng ông Trương Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần 2 mà 02 ông vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Pa R và ông Trương Bé N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật trong vụ án: Ông V khởi kiện yêu cầu ông Lê Pa R, cư trú tại ấp Nhung Miên – xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển thanh toán tiền xây dựng trụ sở tránh trú bão tại ấp Kinh Đào Tây – xã Đất Mũi – huyện Ngọc Hiển còn nợ và ông Pa R còn mượn 15.200.000 đồng chưa trả. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp tiền trong hợp đồng xây dựng và tranh chấp tiền mượn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông Phạm Hoàng V: Tại phiên tòa ông V trình bày, vào năm 2018 ông V và ông Pa R thỏa thuận và đi đến ký kết hợp đồng xây dựng trụ sở tránh trú bão tại ấp Kinh Đào Tây – xã Đất Mũi – huyện Ngọc Hiển – tỉnh Cà Mau, giá trị của hợp đồng là 95.000.000 đồng, thời gian thi công là 25 ngày, do phía ông Pa R cung cấp vật tư trễ, nên thời gian thi công kéo dài hơn 04 tháng; khi đó, ông Pa R thống nhất sẽ trả thêm 10.000.000 đồng; ông V đã tạm ứng 90.000.000 đồng, nay công trình đã hoàn thành, nhưng ông Pa R không thanh toán số tiền còn lại theo thỏa thuận, nên ông V yêu cầu ông Pa R thanh toán số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông V đã cho ông Pa R mượn 1.200.000 đồng để trả tiền điện và nước mà ông Pa R đã sử dụng xây dựng công trình nêu trên trước ông V vào tiếp tục thi công. Đồng thời, ông Pa R có mượn 14.000.000 đồng để trả tiền nhân công

thi công công trình nhà tránh trú bão ấp Xẻo Mắm – xã Tân Ân – huyện Ngọc Hiển.

Đối với những yêu cầu của ông Phạm Hoàng V đã được ông Lê Pa R thừa nhận là có, đồng ý thanh toán theo yêu cầu của ông V; về tiền điện và nước cũng được ông Trương Bé N là người cho ông Pa R sử dụng nhờ cũng xác nhận là ông Pa R còn nợ 02 tháng và ông V đã xuất tiền ra trả nên ông N mới mở điện và nước để công trình tiếp tục thi công khi ông V vào làm.

Tuy nhiên, ông Pa R cho rằng ông V thi công không chất lượng, nên ông Pa R phải thuê thợ khác để sửa chữa với số tiền là 22.000.000 đồng, ông Pa R yêu cầu phản tố đối trừ với yêu cầu khởi kiện của ông V, Tòa án đã lập thủ tục yêu cầu phản tố cho ông Pa R, đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông Lê Pa R không nộp tiền, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của ông, ông Lê Pa R có thể lập thủ tục khởi kiện đến Tòa án thành vụ kiện khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V, buộc ông Lê Pa R thanh toán cho ông Phạm Hoàng V số tiền xây dựng còn nợ là 15.000.000 đồng, số tiền mượn còn nợ là 15.200.000 đồng.

Ông Lê Pa R chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Lê Pa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm = $30.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.510.000 \text{ đồng}$.

- Phần ông Phạm Hoàng V nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 410 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V đối với ông Lê Pa R.

Buộc ông Lê Pa R phải có trách nhiệm thanh toán tiền trong hợp đồng xây dựng còn nợ là 15.000.000 đồng và tiền mượn là 15.200.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Pa R chậm thanh toán số tiền nói trên, thì hàng tháng ông Pa R còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Pa R thì ông có thể khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Pa R phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.510.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển.

- Phần ông V nộp tạm ứng án phí với số tiền 797.500 đồng tại biên lai thu tiền số 0005612 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn